

CQ chủ quản: **SỞ TƯ PHÁP TP.HCM**
Chương: **414**

Phụ lục số 2

CÔNG KHAI CHỈ TIÊU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Điều chỉnh lần 04)

Đơn vị sử dụng ngân sách: **VĂN PHÒNG SỞ TƯ PHÁP TP HCM**

Mã số ĐVQHNS: **1075715**

Mã KBNN nơi giao dịch: **0111**

Chương **414** Loại **340** Khoản **121, 341**

(Đính kèm theo Quyết định số 673/QĐ-STP ngày 12/8/2026 của Sở Tư pháp TP.HCM)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán đầu năm 2026	Điều chỉnh theo QĐ số 1185/QĐ-UBND (lần 1)	Dự toán điều chỉnh lần 2		Dự toán điều chỉnh lần 3		Điều chỉnh theo QĐ số 4992/QĐ-UBND (lần 4)	Tổng cộng
					Điều chỉnh theo QĐ số 2589/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo QĐ số 2643/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo Công văn số 3866/UBND-VX (cân đối)	Điều chỉnh theo QĐ số 4154/QĐ-UBND		
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	$8=I+2+...+7$
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		67.662	252	-1.371	228	0	18.951	2.721	88.443
1	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	121	0	0	0	0	0	18.951	0	18.951
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ									
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0	0	0	0	0	18.951	0	18.951
1	KP "Số hóa số hộ tịch trên địa bàn TP HCM (giai đoạn 2)"							14.951		14.951
2	KP "Nâng cấp hạ tầng, hệ thống mạng nội bộ tại Sở Tư pháp"							1.999		1.999
3	KP Xây dựng "Phần mềm quản lý công tác xây dựng pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh"							2.000		2.000
2	Chi sự nghiệp các hoạt động kinh tế		0							0
3	Sự nghiệp hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	341	67.662	252	-1.371	228	0	0	2.721	69.492
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		31.059	0	-1.371	0	0	0	0	29.688
a	Chi từ ngân sách Thành phố		24.137		-774					23.363
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp		6.922		-597					6.325
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		36.603	252	0	228	0	0	2.721	39.804
a	Chi từ ngân sách Thành phố		17.331	252	0	228	0	0	2.721	20.532
1	KP bồi dưỡng công tác tiếp công dân, xử lý đơn		253							253
2	KP hoạt động ISO		65							65
3	Trợ cấp thôi việc theo ND170/2025/NĐ-CP		200							200
4	KP cho công tác phổ biến GDPL		1.648							1.648
5	KP kiểm tra, rà soát văn bản		457							457

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán đầu năm 2026	Điều chỉnh theo QĐ số 1185/QĐ-UBND (lần 1)	Dự toán điều chỉnh lần 2		Dự toán điều chỉnh lần 3		Điều chỉnh theo QĐ số 4992/QĐ-UBND (lần 4)	Tổng cộng
					Điều chỉnh theo QĐ số 2589/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo QĐ số 2643/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo Công văn số 3866/UBND-VX (cân đối)	Điều chỉnh theo QĐ số 4154/QĐ-UBND		
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8=I+2+...+7
6	KP theo dõi thi hành PL, công tác bồi thường NN, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC (theo chỉ đạo của UBND TP)		202							202
7	KP bồi dưỡng Giám định viên tư pháp		9.188							9.188
8	KP tổ chức Hội nghị PL		212				-33			179
9	KP nghiệp vụ giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài		324							324
10	KP phục vụ công tác thu P-LP		137							137
11	KP tham gia các vụ kiện		3							3
12	KP xây dựng và thẩm tra báo cáo cho văn bản QPPL (dự kiến 4 QĐ và 1 NQ)		526							526
13	KP hỗ trợ tiền thuê nhà ở theo NQ24/2025 (3 PGĐ, 21 CV)		1.498							1.498
14	KP chi chế độ chính sách cho người tham gia xây dựng PL theo NQ197/2025/QH15		2.618							2.618
15	KP phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội Khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031			252						252
16	Kinh phí chăm lo Tết Bính Ngọ năm 2026					228				228
17	KP đặt mua báo Đảng						33			33
18	KP xây dựng dự án Luật Phát triển đô thị								2.721	2.721
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp		19.272	0	0	0	0	0	0	19.272
1	+ Chi tăng thu nhập theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, NQ 27/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025		18.139							18.139
2	+ Chi chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ		1.133							1.133

Ghi chú:

- Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 đã trừ khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội và đã được giữ lại ở ngân sách Thành phố.

- Nguồn cải cách tiền lương của ngân sách Thành phố và nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị được sử dụng cho nhu cầu chi chính sách tăng lương cơ sở theo lộ trình của Chính phủ, chi tính gián biên chế, chi quỹ tiền thưởng, chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù của Thành phố và các văn bản quy định hiện hành.

Công khai điều chỉnh lần 1:

- Bổ sung dự toán KP phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội Khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 cơ sở, số tiền: 252.198.000 đồng (theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)/.

Công khai điều chỉnh lần 2:

- Điều chỉnh giảm dự toán do sự thay đổi biên chế và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 30/4/2026 của UBND Thành phố; số tiền: 1.371 triệu đồng (trong đó: giảm nguồn CCTL: 597 triệu đồng; giảm nguồn CTX: 774 triệu đồng)

- Bổ sung dự toán kinh phí chăm lo Tết Bính Ngọ năm 2026 theo Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của UBND Thành phố; số tiền 228 triệu đồng.

Công khai điều chỉnh lần 3:

- Điều chỉnh bổ sung nội dung kinh phí đặt mua báo Đảng sử dụng, cân đối từ kinh phí NSNN cấp từ đầu năm 2026 theo Công văn 3866/UBND-VX ngày 15/5/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; số tiền Phòng chuyên môn dự trừ sử dụng trang bị báo Đảng trong năm 2026 là 33 triệu đồng;

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán đầu năm 2026	Điều chỉnh theo QĐ số 1185/QĐ-UBND (lần 1)	Dự toán điều chỉnh lần 2		Dự toán điều chỉnh lần 3		Điều chỉnh theo QĐ số 4992/QĐ-UBND (lần 4)	Tổng cộng
					Điều chỉnh theo QĐ số 2589/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo QĐ số 2643/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo Công văn số 3866/UBND-VX (cân đối)	Điều chỉnh theo QĐ số 4154/QĐ-UBND		
A	B	C	<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8=l+2+..+7</i>

- Bổ sung kinh phí cho 03 hạng mục khoa học công nghệ, chuyển đổi số tại Sở Tư pháp theo Quyết định số 4154/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; số tiền 18.951 triệu đồng.

Công khai điều chỉnh lần 4:

- Bổ sung kinh phí xây dựng dự án Luật Phát triển đô thị cho Sở Tư pháp theo Quyết định số 4992/QĐ-UBND ngày 10/8/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; số tiền 2.721 triệu đồng./.